

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Lý Vương	Thảo	KQH012587	4	37.00	1.5	39.00
2	Dương Thị Bảo	Châu	SPH002228	4	36.00	0.5	36.67
3	Bùi Hà	Phương	TLA010880	3	35.75		35.75
4	Phạm Hằng	Nga	SPH012206	4	35.50		35.50
5	Lê	Na	TDV019798	4	34.75	0.5	35.42
6	Hoàng Khánh	Linh	THP008243	4	34.75	0.5	35.42
7	Phan Hoài	Thu	TLA013199	4	34.25	0.5	34.92
8	Nguyễn Hữu	Bách	TDV002014	4	34.25	0.5	34.92
9	Nguyễn Văn	Thanh	HVN009361	4	34.25	0.5	34.92
10	Lê Tú	Quỳnh	SPH014494	4	32.75	1.5	34.75
11	Lưu Thanh	Thủy	KHA009796	4	34.75		34.75
12	Phạm Ngọc	Anh	THV000586	2	32.75	1.5	34.75
13	Hà Thanh	Huyền	YTB009911	4	34.00	0.5	34.67
14	Vương Thị Ngọc	Mai	KQH008869	4	34.00	0.5	34.67
15	Vũ Thị Ngọc	Mai	THV008481	4	32.50	1.5	34.50
16	Vương Nguyễn Hoàng	Yến	LNH011034	4	32.50	1.5	34.50
17	Doãn Nhật	Linh	TLA007637	4	34.50		34.50
18	Lại Thị Ngọc	Mai	SPH010980	3	34.50		34.50
19	Nguyễn Thị	Phượng	TLA011186	3	33.50	0.5	34.17
20	Đinh Thị Thu	Giang	HDT006217	2	29.50	3.5	34.17
21	Nguyễn Thu	Huyền	SPH007932	4	34.00		34.00
22	Trần Thùy	Linh	TND014820	4	32.00	1.5	34.00
23	Nghiêm Thị Lan	Hương	HHA006797	1	32.00	1.5	34.00
24	Nguyễn Bích	Thủy	BKA012656	4	33.25	0.5	33.92
25	Phạm Thị Việt	Hà	YTB006150	4	33.00	0.5	33.67
26	Phạm Thị	Quỳnh	BKA011121	4	33.00	0.5	33.67
27	Trần Khánh	Trình	TDV033555	4	33.00	0.5	33.67
28	Trịnh Thị	Hương	KQH006815	4	33.00	0.5	33.67
29	Nguyễn Thị	Hạnh	TLA004432	2	33.00	0.5	33.67

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Nguyễn Thị Thúy	Vân	SPH019290	4	33.50		33.50
31	Nguyễn Thảo	Nguyên	HHA010294	4	32.75	0.5	33.42
32	Bùi Thanh	Sơn	HDT021540	4	32.75	0.5	33.42
33	Nguyễn Thị Huyền	Trang	TDV032551	4	32.75	0.5	33.42
34	Nguyễn Thị Xong	Ngân	THV009303	4	30.00	2.5	33.33
35	Chu Thị Huyền	Bông	SPH002150	4	32.00	1.0	33.33
36	Lê Kiều	Minh	TLA009169	4	33.25		33.25
37	Đỗ Thị Linh	Chi	SPH002343	4	33.25		33.25
38	Lưu Thu	Trang	THV013776	3	31.25	1.5	33.25
39	Đoàn Thị Ngọc	Mai	TSN008875	3	31.25	1.5	33.25
40	Nguyễn Thị Thảo	Duyên	TQU001001	3	31.25	1.5	33.25
41	Bùi Thị Vũ	Hoa	THV004696	3	31.25	1.5	33.25
42	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	SPH011408	1	33.25		33.25
43	Nguyễn Mỹ	Linh	TLA007965	1	33.25		33.25
44	Lê Thị Quỳnh	Hoa	HDT009228	4	32.50	0.5	33.17
45	Trần Thị Linh	Diệp	TND003502	3	28.50	3.5	33.17
46	Đặng Khánh	Huyền	BKA005936	2	32.50	0.5	33.17
47	Chu Thuỳ	Dương	TND004462	3	31.75	1.0	33.08
48	Lê Tú	Anh	BKA000358	2	33.00		33.00
49	Nguyễn Thúy	Quỳnh	SPH014554	4	32.25	0.5	32.92
50	Nguyễn Thị	Trang	KQH014653	4	32.25	0.5	32.92
51	Phạm Thị Thúy	Quỳnh	YTB018425	4	32.25	0.5	32.92
52	Vũ Thu	Hiền	HHA004696	3	32.25	0.5	32.92
53	Nguyễn Thị Bảo	Thoa	TLA013067	3	32.25	0.5	32.92
54	Nguyễn Thị	Huyền	HVN004671	4	31.50	1.0	32.83
55	Phạm Hồng	Nhung	SPH013150	4	32.75		32.75
56	Bùi Thanh	Hằng	SPH005516	3	32.75		32.75
57	Vũ Thùy	Dung	SPH003127	3	32.75		32.75
58	Vũ Thị Phương	Nhung	KQH010404	4	32.00	0.5	32.67

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Đỗ Thị	Hường	TND012119	4	32.00	0.5	32.67
60	Nguyễn Quang	Hưng	THV006048	4	28.00	3.5	32.67
61	Nguyễn Hồng	Hạnh	HHA004201	1	32.00	0.5	32.67
62	Vũ Thị Phương	Thảo	SPH015859	3	32.50		32.50
63	Nguyễn Bảo	Châu	TTB000517	3	30.50	1.5	32.50
64	Dương Việt	Trình	KHA010663	3	32.50		32.50
65	Hoàng Hạnh Minh	Châu	YTB002177	4	31.75	0.5	32.42
66	Nguyễn Thị Hương	Trà	TND025963	4	31.75	0.5	32.42
67	Hoàng Ngọc	Phong	TND019519	4	27.75	3.5	32.42
68	Vũ Diệu	Linh	KHA005954	4	31.75	0.5	32.42
69	Nguyễn Thị	Thủy	THP014363	4	31.75	0.5	32.42
70	Trần Hải	Nam	THV009056	4	30.25	1.5	32.25
71	Nguyễn Thu	Hằng	SPH005682	4	32.25		32.25
72	Nguyễn Thị Khánh	Linh	TLA008029	4	32.25		32.25
73	Hoàng Thu	Hương	THV006154	4	30.25	1.5	32.25
74	Đoàn Thị Hồng	Chinh	HHA001668	4	30.25	1.5	32.25
75	Nguyễn Thị Huệ	Chi	TDV002941	4	30.25	1.5	32.25
76	Trần Ngọc Lam	Giang	SPH004667	4	32.25		32.25
77	Nguyễn Ngọc	Linh	SPH009831	3	32.25		32.25
78	Nguyễn Hoàng Chi	Mai	TLA008915	3	32.25		32.25
79	Vũ Thanh	Huyền	TTB002867	2	30.25	1.5	32.25
80	Nguyễn Thị	Ngân	SPH012307	1	32.25		32.25
81	Vũ Trường	Anh	TLA001373	4	31.50	0.5	32.17
82	Đỗ Thùy	Linh	TDV016293	4	31.50	0.5	32.17
83	Lê Đặng Việt	Mỹ	BKA008907	4	31.50	0.5	32.17
84	Bạch Thị	Nga	SPH012090	2	30.75	1.0	32.08
85	Phạm Xuân	Trường	SPH018261	4	32.00		32.00
86	Trần Thùy	Linh	KHA005936	4	32.00		32.00
87	Nguyễn Thu	Trang	TLA014185	4	32.00		32.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Bùi Thọ	Kiên	SPH008873	4	32.00		32.00
89	Nguyễn Quỳnh	Anh	SPH000949	3	32.00		32.00
90	Vũ Phương	Hà	LNH002604	2	30.00	1.5	32.00
91	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	TLA008062	2	30.00	1.5	32.00
92	Trần Thị Thu	Trang	BKA013643	4	31.25	0.5	31.92
93	Vũ Thị Phương	Thảo	KHA009261	4	31.25	0.5	31.92
94	Lã Thị	Trang	TND026228	4	27.25	3.5	31.92
95	Nguyễn Hồng	Phượng	THV010629	4	31.25	0.5	31.92
96	Tạ Thị Hồng	Hải	TND006773	4	31.25	0.5	31.92
97	Nguyễn Như Thái	Linh	DCN006383	3	31.25	0.5	31.92
98	Nguyễn Thị ái	Lành	TDV015722	3	31.25	0.5	31.92
99	Vũ Diệu	Linh	HDT014967	3	27.25	3.5	31.92
100	Phạm Thu	Phượng	BKA010497	2	31.25	0.5	31.92
101	Nguyễn Thị	Trang	HDT026950	4	30.50	1.0	31.83
102	Lương Việt	Trình	YTB023328	4	30.50	1.0	31.83
103	Vũ Thị Kiều	Diễm	KHA001544	4	30.50	1.0	31.83
104	Nguyễn Thị Mai	Quỳnh	THP012340	3	30.50	1.0	31.83
105	Dương Thị	Thảo	TND022829	2	30.50	1.0	31.83
106	Nguyễn Thục	Anh	BKA000656	4	31.75		31.75
107	Trần Thị Thu	Hoa	SPH006597	4	31.75		31.75
108	Nguyễn Thùy	Linh	SPH009993	4	31.75		31.75
109	Phạm Quỳnh	Trang	THV013949	4	29.75	1.5	31.75
110	Bùi Thu	Trang	SPH017271	3	31.75		31.75
111	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	TLA000891	3	31.75		31.75
112	Trần Ngọc	Anh	SPH001508	3	31.75		31.75
113	Nguyễn Thành	Công	SPH002680	2	31.75		31.75
114	Phạm Lê Ngọc	Mai	THP009258	4	31.00	0.5	31.67
115	Nguyễn Diệu	Hoa	THV004742	4	27.00	3.5	31.67
116	Lê Thị	Hương	TLA006701	4	31.00	0.5	31.67

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Phùng Thị Quỳnh	Trang	SPH017766	4	31.00	0.5	31.67
118	Nguyễn Mạnh	Trí	THV014070	3	31.00	0.5	31.67
119	Bùi Mai	Anh	BKA000082	3	31.00	0.5	31.67
120	Sần Thành	Nam	THV009047	2	27.00	3.5	31.67
121	Trần Vũ Thanh	Tâm	YTB019066	3	30.25	1.0	31.58
122	Vũ Minh	Anh	TLA001342	4	31.50		31.50
123	Dương Thị Thùy	Linh	THV007274	4	29.50	1.5	31.50
124	Nguyễn Thúy	Hằng	THV004109	4	29.50	1.5	31.50
125	Đình Hương	Giang	HDT006211	4	29.50	1.5	31.50
126	Phạm Nguyễn Quang	Minh	SPH011497	4	31.50		31.50
127	Trần Vân	Anh	TLA001282	4	31.50		31.50
128	Lê Hương	Giang	TLA003824	4	31.50		31.50
129	Nguyễn Văn	San	THV011224	4	29.50	1.5	31.50
130	Lê Thị Ngọc	Hồng	HDT010096	3	29.50	1.5	31.50
131	Tăng Hoàng	Minh	BKA008740	2	31.50		31.50
132	Trần Thị	Quỳnh	YTB018449	4	30.75	0.5	31.42
133	Phan Thanh	Trà	DCN011602	4	30.75	0.5	31.42
134	Trần Vũ Thùy	Trang	THP015430	3	30.75	0.5	31.42
135	Nguyễn Ngọc	Phương	HHA011152	2	30.75	0.5	31.42
136	Nguyễn Phương	Thảo	SPH015691	2	30.00	1.0	31.33
137	Lê Trâm	Anh	SPH000560	4	31.25		31.25
138	Nguyễn Thùy	Dung	TLA002502	4	31.25		31.25
139	Nguyễn Thúy	Hạnh	SPH005408	4	31.25		31.25
140	Trịnh Thu	Phương	HHA011291	4	31.25		31.25
141	Nguyễn Trần Thảo	My	BKA008874	4	31.25		31.25
142	Trần Hải	Nam	SPH012045	4	31.25		31.25
143	Phi Quang	Khải	THV006494	3	29.25	1.5	31.25
144	Trần Khánh	Linh	SPH010153	2	31.25		31.25
145	Cần Thị Thu	Trang	DCN011626	4	30.50	0.5	31.17

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Tống Kiên	Định	TDV006338	3	30.50	0.5	31.17
147	Trịnh Thị Thu	Thuỷ	KQH013541	3	30.50	0.5	31.17
148	Bùi Hải	Công	TLA002126	2	28.50	2.0	31.17
149	Nông Đức	Minh	SPH011485	4	29.75	1.0	31.08
150	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	YTB000867	4	29.75	1.0	31.08
151	Hoàng Thị Thanh	Ngọc	TDV021093	4	29.75	1.0	31.08
152	Trần Quốc	Lượng	KQH008562	3	29.75	1.0	31.08
153	Phạm Thị Linh	Phương	TDV024119	4	29.00	1.5	31.00
154	Phạm Thủy	Tiên	THV013353	4	29.00	1.5	31.00
155	Đào Thị Thu	Huyền	TDV013257	4	29.00	1.5	31.00
156	Doãn Ngọc	ánh	TTB000304	4	29.00	1.5	31.00
157	Đặng Việt	Hà	HHA003669	4	31.00		31.00
158	Lê Thị	Thủy	TDV030364	4	29.00	1.5	31.00
159	Đỗ Hà	Linh	TLA007647	3	31.00		31.00
160	Phan Thị Nguyên	Anh	TTN000582	3	29.00	1.5	31.00
161	Phạm Thị Hải	Anh	THV000595	1	29.00	1.5	31.00
162	Đỗ Thị Phương	Mai	THV008359	4	30.25	0.5	30.92
163	Trần Đức	Hiếu	YTB008052	4	30.25	0.5	30.92
164	Nguyễn Thị Phương	Thảo	DHU021291	4	30.25	0.5	30.92
165	Nguyễn Huy	Long	HVN006271	3	30.25	0.5	30.92
166	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	THP006590	4	29.50	1.0	30.83
167	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005916	4	28.75	1.5	30.75
168	Đỗ Thị Mỹ	Linh	THV007289	4	28.75	1.5	30.75
169	Dương Ngọc	Lan	TTN009134	4	28.75	1.5	30.75
170	Lê Thị Bằng	Giang	TQU001305	4	28.75	1.5	30.75
171	Hoàng Hồng	Hạnh	TQU001535	4	28.75	1.5	30.75
172	Tạ Hoàng	Hà	TLA004182	3	30.75		30.75
173	Nguyễn Kiều	Trinh	TLA014415	3	30.75		30.75
174	Ngô Thu	Uyên	SPH019146	3	30.75		30.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Lê Thùy	Dương	KHA002017	3	30.75		30.75
176	Hoàng Thảo	Linh	SPH009555	3	30.75		30.75
177	Tô Thị Xuân	Thanh	TLA012242	2	30.75		30.75
178	Nguyễn Hà	Linh	TLA007912	1	30.75		30.75
179	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TND007953	4	30.00	0.5	30.67
180	Dương Mai	Ngọc	DHU014355	4	30.00	0.5	30.67
181	Hà Thị Ngọc	Mai	THV008379	3	30.00	0.5	30.67
182	Vũ Thu	Trang	KQH014312	3	30.00	0.5	30.67
183	Trần Thị Ngọc	ánh	KQH000928	3	30.00	0.5	30.67
184	Nguyễn Thị Thùy	Trang	HVN011094	2	30.00	0.5	30.67
185	Đỗ Thị Quỳnh	Trang	DCN011643	1	30.00	0.5	30.67
186	Đoàn Thị	Nhàn	THP010693	4	29.25	1.0	30.58
187	Bùi Thị Mai	Phương	YTB017127	4	29.25	1.0	30.58
188	Nguyễn Thảo	My	THV008838	4	28.50	1.5	30.50
189	Điền Thị Thúy	Hằng	HDT007776	4	28.50	1.5	30.50
190	Nguyễn Việt	Khánh	SPH008763	4	30.50		30.50
191	Phạm Thị	Lam	TTB003296	4	28.50	1.5	30.50
192	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	TTB000061	4	28.50	1.5	30.50
193	Vũ Nguyễn Hải	Đường	BKA003385	4	30.50		30.50
194	Nguyễn Thị Hà	An	THP000039	4	30.50		30.50
195	Vũ Phương	Thảo	SPH015853	4	30.50		30.50
196	Nguyễn Kiều	Anh	SPH000799	4	30.50		30.50
197	Trần Cao ánh	Dương	HHA002782	3	30.50		30.50
198	Lê Thị Thu	Trang	HHA014537	3	30.50		30.50
199	Nguyễn Thuý	Linh	KHA005802	3	30.50		30.50
200	Lê Diệp	Anh	TLA000385	3	30.50		30.50
201	Dương Diễm	Quỳnh	SPH014436	2	30.50		30.50
202	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	2	28.50	1.5	30.50
203	Nguyễn Nguyệt	ánh	SPH001794	2	30.50		30.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Vũ Hồ Diệu	Linh	TLA008344	1	30.50		30.50
205	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	4	25.75	3.5	30.42
206	Phan Cẩm	Tú	TTB007032	4	25.75	3.5	30.42
207	Vũ Thanh	Hương	HHA006977	4	29.75	0.5	30.42
208	Phạm Thị Hồng	Ngọc	HDT018109	4	29.75	0.5	30.42
209	Bùi Tú	Anh	DCN000078	4	29.75	0.5	30.42
210	Vũ Đức	Minh	HVN006893	3	29.75	0.5	30.42
211	Nguyễn Lê Diệu	Linh	DCN006370	2	29.75	0.5	30.42
212	Phạm Thị Hoàng	Phương	YTB017412	4	29.00	1.0	30.33
213	Đình Ngọc	ánh	HDT001748	4	28.25	1.5	30.25
214	Nguyễn Thị Mai	Hương	LNH004539	4	28.25	1.5	30.25
215	Ngô Thu	Hiền	SPH005905	3	30.25		30.25
216	Vũ Hoàng	Minh	SPH011569	3	30.25		30.25
217	Phạm Thị Phương	Anh	SPH001370	3	30.25		30.25
218	Phương Hoàng Tú	Lam	TLA007315	3	30.25		30.25
219	Trần Ngọc	Minh	HHA009313	3	30.25		30.25
220	Hoàng Thị Kim	Anh	HDT000432	2	28.25	1.5	30.25
221	Nguyễn Quang	Quyền	SPH014377	2	30.25		30.25
222	Trần Lê	Minh	HDT016703	4	29.50	0.5	30.17
223	Triệu Thùy	Linh	TND014767	4	25.50	3.5	30.17
224	Nguyễn Thị	Ly	DCN007040	4	29.50	0.5	30.17
225	Vũ ánh	Nguyệt	TDV021765	4	29.50	0.5	30.17
226	Bùi Hải	Yến	LNH010934	4	25.50	3.5	30.17
227	Vi Ngọc	Diệp	TND003504	2	25.50	3.5	30.17
228	Phạm Thị Thục	Anh	HHA000838	2	29.50	0.5	30.17
229	Đàm Minh	Hằng	DCN003372	2	29.50	0.5	30.17
230	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	LNH006690	2	29.50	0.5	30.17
231	Phạm Ngọc	Anh	LNH000515	1	25.50	3.5	30.17
232	Bùi Thị Hồng	Nhung	THV009833	4	28.75	1.0	30.08

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Lê Minh	Hằng	YTB006958	4	28.75	1.0	30.08
234	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	DCN006443	4	28.75	1.0	30.08
235	Nguyễn Thị Hương	Giang	KQH003390	4	28.75	1.0	30.08
236	Đặng Thị	Nhận	TND018553	4	28.75	1.0	30.08
237	Bùi Thị Phương	Anh	YTB000159	3	28.75	1.0	30.08
238	Ngô Thị Phương	Ngân	BKA009268	2	28.75	1.0	30.08
239	Đỗ Thị	Thảo	HDT023065	1	28.75	1.0	30.08
240	Nguyễn Hồng	Anh	SPH000758	4	30.00		30.00
241	Lê Đức	Anh	HDT000506	4	28.00	1.5	30.00
242	Phạm Thùy	Dung	NLS001628	4	28.00	1.5	30.00
243	Nguyễn Thu	Yến	TLA015935	4	30.00		30.00
244	Võ Hiền	Anh	KHA000732	3	30.00		30.00
245	Nguyễn Trà	My	TLA009455	3	30.00		30.00
246	Cao Thị Phương	Loan	SPH010280	3	30.00		30.00
247	Lê Hồng	Anh	HDT000525	2	28.00	1.5	30.00
248	Lê Võ Thủy	Tiên	TLA013596	2	30.00		30.00
249	Tô Thị Hương	Ly	TQU003485	4	25.25	3.5	29.92
250	Vũ Thị Minh	Anh	THP000955	4	29.25	0.5	29.92
251	Phan Thùy	Dung	DCN001755	4	29.25	0.5	29.92
252	Phùng Thị Minh	Phượng	SPH013966	3	29.25	0.5	29.92
253	Phan Bảo	Ngọc	HHA010187	3	29.25	0.5	29.92
254	Trần Thị Cẩm	Tú	THP015924	2	29.25	0.5	29.92
255	Trần Thị Thùy	Dương	BKA002657	2	29.25	0.5	29.92
256	Trần Thị Hải	Yến	DCN013484	4	28.50	1.0	29.83
257	Lê Thị Thúy	Hòa	BKA005047	4	28.50	1.0	29.83
258	Lê Thị Thuỳ	Dương	HDT004836	3	28.50	1.0	29.83
259	Hoàng Thị	Nguyệt	HDT018283	3	28.50	1.0	29.83
260	Vũ Thị Thanh	Thắng	KQH013005	2	28.50	1.0	29.83
261	Đoàn Hồng	Nhung	HDT018685	4	27.75	1.5	29.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Nguyễn Phương	Thanh	THV011883	4	27.75	1.5	29.75
263	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	TLA015918	4	27.75	1.5	29.75
264	Nguyễn Thanh	Long	SPH010489	4	29.75		29.75
265	Nguyễn Bảo	Ngọc	DHU014489	4	27.75	1.5	29.75
266	Đỗ Minh	Anh	SPH000210	4	29.75		29.75
267	Nguyễn Trần Mỹ	Ngọc	HHA010177	3	29.75		29.75
268	Huỳnh Phương	Ngân	KHA007040	3	29.75		29.75
269	Nguyễn Hoàng Nhật	Linh	TLA007928	3	29.75		29.75
270	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012533	2	29.75		29.75
271	Đào Tường	Chi	SPH002348	1	29.75		29.75
272	Nguyễn Bảo	Ngọc	DCN008081	4	29.00	0.5	29.67
273	Đậu Phương	Thảo	TDV027962	2	29.00	0.5	29.67
274	Hoàng Thùy	Linh	HDT013996	2	29.00	0.5	29.67
275	Dương Việt	Hà	TND006128	2	25.00	3.5	29.67
276	Lương Bảo	Thái	TTB005622	2	25.00	3.5	29.67
277	Lê Thị Diệp	ánh	HVN000787	1	29.00	0.5	29.67
278	Chu Thị	Quỳnh	TDV025293	4	28.25	1.0	29.58
279	Đình Hoàng	Lộc	TLA008601	4	28.25	1.0	29.58
280	Lê Quỳnh	Chi	TDV002898	2	28.25	1.0	29.58
281	Nguyễn Thị Vân	Anh	SPH001107	4	29.50		29.50
282	Lê Khánh	Linh	HDT014051	4	27.50	1.5	29.50
283	Vũ Thị Bích	Ngọc	TND018181	4	27.50	1.5	29.50
284	Chu Tuệ	Anh	SPH000174	4	29.50		29.50
285	Nghiêm Thị	Thơ	SPH016236	4	29.50		29.50
286	Đỗ Ngọc Thuỷ	Dương	KHA001994	4	29.50		29.50
287	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	HHA001145	4	29.50		29.50
288	Đào Mai	Trang	BKA013308	4	29.50		29.50
289	Nguyễn Thị Trâm	Anh	KHA000487	3	29.50		29.50
290	Nguyễn Thu	Thảo	TND023221	3	27.50	1.5	29.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Phạm Thị Thanh	Hương	TLA006819	3	29.50		29.50
292	Trần Anh	Thư	SPH016857	3	29.50		29.50
293	Nguyễn Phương	Hà	SPH004882	3	29.50		29.50
294	Nguyễn Anh	Quân	THV010830	1	27.50	1.5	29.50
295	Nguyễn Thúy	Ngọc	LNH006708	4	24.75	3.5	29.42
296	Phạm Thị Ngọc	Huyền	HUI006171	4	28.75	0.5	29.42
297	Phạm Thị Phương	Lan	TLA007396	4	28.75	0.5	29.42
298	Lê Thị	Hoài	TDV011277	4	28.75	0.5	29.42
299	Vũ Thị Thùy	Tiên	KHA010043	4	28.75	0.5	29.42
300	Lục Quốc	Huy	THV005589	3	24.75	3.5	29.42
301	Vũ Khánh	Linh	HVN006139	3	28.75	0.5	29.42
302	Bùi Khánh	Linh	HHA007761	3	28.75	0.5	29.42
303	Lê Hoàng Yến	Nhi	HDT018560	3	28.75	0.5	29.42
304	Vũ Thị	Xuân	THP017019	2	28.75	0.5	29.42
305	Phan Cẩm	Tú	HVN011598	4	28.00	1.0	29.33
306	Mai Thị	Hằng	KQH004245	4	28.00	1.0	29.33
307	Lê Thị Lan	Hương	HDT012130	3	28.00	1.0	29.33
308	Lê Minh	Nguyệt	TDV021670	3	28.00	1.0	29.33
309	Trần Thị Huyền	Trang	KQH014760	3	28.00	1.0	29.33
310	Trần Thị	Trang	YTB023140	3	28.00	1.0	29.33
311	Bùi Thị Kim	Dung	YTB003465	2	28.00	1.0	29.33
312	Trần Tiến	Đạt	SPH003993	4	29.25		29.25
313	Phạm Thị Nam	Phương	HHA011250	4	29.25		29.25
314	Lê Thái	Anh	THV000278	4	27.25	1.5	29.25
315	Hoàng Hải	Ly	TND015644	3	27.25	1.5	29.25
316	Phạm Quốc	Anh	SPH001347	3	29.25		29.25
317	Nguyễn Thị Kim	Quý	HHA011590	2	27.25	1.5	29.25
318	Trần Minh	Anh	BKA000870	2	29.25		29.25
319	Nguyễn Lan	Hương	SPH008306	2	29.25		29.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Đoàn Thị Khánh	Hoà	KQH005130	4	28.50	0.5	29.17
321	Bùi Thúy	Nường	LNH007085	4	24.50	3.5	29.17
322	Nguyễn ánh	Ngọc	HDT018011	4	28.50	0.5	29.17
323	Nghiêm Ngọc	ánh	HHA001120	4	28.50	0.5	29.17
324	Nguyễn Anh	Hùng	THV005446	3	28.50	0.5	29.17
325	La Thị Ngọc	Châm	TND002101	3	24.50	3.5	29.17
326	Trần Bùi Ngọc	Oanh	BKA010104	2	28.50	0.5	29.17
327	Bùi Thị Hoàng	Yến	THV015553	4	27.75	1.0	29.08
328	Nguyễn Thị Phương	Anh	HDT001163	4	27.75	1.0	29.08
329	Đỗ Văn	Phúc	YTB017004	4	27.75	1.0	29.08
330	Ngô Thị	Thủy	SPH016579	4	27.75	1.0	29.08
331	Bùi Thị Thúy	An	TDV000032	3	25.75	2.5	29.08
332	Nguyễn Thị Thu	Hà	YTB006049	3	27.75	1.0	29.08
333	Đặng Thị	Hằng	YTB006931	3	27.75	1.0	29.08
334	Nguyễn Thị	Linh	HDT014490	3	27.75	1.0	29.08
335	Phạm Nhật	Lệ	KHA005438	3	27.75	1.0	29.08
336	Nguyễn Kim	Anh	LNH000323	4	27.00	1.5	29.00
337	Phạm Trà	Giang	HHA003562	4	29.00		29.00
338	Đàm Nhật	Linh	KHA005549	4	29.00		29.00
339	Phạm Thị	Nga	HHA009767	4	29.00		29.00
340	Nguyễn Thị Tú	Uyên	HDT029358	4	27.00	1.5	29.00
341	Trịnh Hoài	Đức	TND005702	4	27.00	1.5	29.00
342	Phạm Ngọc	Hà	HHA003858	4	29.00		29.00
343	Nguyễn Hồ Hoàng	Yến	HDT030383	3	27.00	1.5	29.00
344	Nguyễn Phương	Linh	BKA007595	3	29.00		29.00
345	Nguyễn Nhật	Linh	TLA008002	2	29.00		29.00
346	Tạ Hoàng	An	TLA000073	2	29.00		29.00
347	Nguyễn Hà	Thủy	SPH016585	1	29.00		29.00
348	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyên	SPH012748	1	29.00		29.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Lê Thị Thanh	Hằng	THV004031	1	27.00	1.5	29.00
350	Bế Ngọc	ánh	TND001235	4	24.25	3.5	28.92
351	Nguyễn Thị Thu	Nga	KQH009562	3	28.25	0.5	28.92
352	Dương Khánh	Linh	YTB012392	3	28.25	0.5	28.92
353	Nguyễn Đức	Anh	HVN000296	2	28.25	0.5	28.92
354	Nguyễn Thị	Thủy	HVN010311	4	27.50	1.0	28.83
355	Ngô Thị	Nhàn	BKA009759	4	27.50	1.0	28.83
356	Đỗ Thị	Hằng	HDT007761	3	27.50	1.0	28.83
357	Phạm Thị Mỹ	Linh	KHA005871	3	27.50	1.0	28.83
358	Phạm Thị Trang	Thu	YTB020964	2	27.50	1.0	28.83
359	Tống Thị	Chinh	TND002555	3	26.75	1.5	28.75
360	Ngô Thị Linh	Huyền	HHA006315	3	26.75	1.5	28.75
361	Đỗ Thị	Vân	TND029031	2	26.75	1.5	28.75
362	Nguyễn Hoàng	Hiếu	SPH006304	2	28.75		28.75
363	Tạ Ngọc Bảo	Thư	TQU005549	2	26.75	1.5	28.75
364	Nguyễn Đức	Tú	TLA014755	2	28.75		28.75
365	Chu Sơn	Nguyên	HHA010273	1	28.75		28.75
366	Nguyễn Ngọc	Anh	YTB000683	4	28.00	0.5	28.67
367	Nguyễn Phương	Anh	TND000683	4	28.00	0.5	28.67
368	Trần Thị Huyền	Trâm	TDV033324	3	28.00	0.5	28.67
369	Võ Thị Ngọc	Loan	TDV017618	3	28.00	0.5	28.67
370	Kiều Thị Mai	Anh	KQH000222	2	28.00	0.5	28.67
371	Trịnh Hồng	Vân	HDT029662	1	28.00	0.5	28.67
372	Bùi Thị Ngọc	Anh	YTB000153	4	27.25	1.0	28.58
373	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	SPH012752	3	27.25	1.0	28.58
374	Nguyễn Tiến	Đạt	YTB004791	2	27.25	1.0	28.58
375	Nguyễn Thị Thảo	Phương	TTB004914	4	26.50	1.5	28.50
376	Nguyễn Thị Anh	Thư	HHA013974	4	28.50		28.50
377	Lê Thị Phương	Linh	TTB003488	3	26.50	1.5	28.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

Trang 14

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Vũ Thị Minh	Hằng	TQU001666	3	26.50	1.5	28.50
379	Nguyễn Phương	Anh	BKA000546	2	28.50		28.50
380	Trương Diệu	Linh	TLA008328	2	28.50		28.50
381	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005911	1	26.50	1.5	28.50
382	Đoàn Lan	Anh	KQH000174	4	27.75	0.5	28.42
383	Lê Thị Hồng	Xoan	TDV036622	4	27.75	0.5	28.42
384	Đinh Thị	Hài	THP004052	3	27.75	0.5	28.42
385	Nguyễn Thanh	Quý	KQH011380	3	27.75	0.5	28.42
386	Đào Thị Thanh	Nga	HHA009701	2	27.75	0.5	28.42
387	Ngô Thị Minh	Thúy	YTB021515	2	27.75	0.5	28.42
388	Nguyễn Thanh	Thư	HDT025355	2	27.75	0.5	28.42
389	Vũ Thị Như	Quỳnh	HHA011872	1	27.75	0.5	28.42
390	Vũ Thị Minh	Hằng	YTB007203	4	27.00	1.0	28.33
391	Dương Thị	Hằng	SPH005525	4	27.00	1.0	28.33
392	Lã Thị Kim	Dung	KQH002036	4	27.00	1.0	28.33
393	Lê Thị	Giang	HDT006294	3	27.00	1.0	28.33
394	Nguyễn Thị Thu	Hà	YTB006071	3	27.00	1.0	28.33
395	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	YTB018328	3	27.00	1.0	28.33
396	Nguyễn Kim	Chi	THV001265	4	26.25	1.5	28.25
397	Nguyễn Thị Lam	Hoa	TND008799	4	26.25	1.5	28.25
398	Lê Đình	Hiệp	TLA004967	4	28.25		28.25
399	Tạ Trần Thu	Hiền	TQU001742	3	26.25	1.5	28.25
400	Nguyễn Thị Trung	Anh	BKA000639	3	28.25		28.25
401	Nguyễn Quang	Thịnh	TND024009	3	26.25	1.5	28.25
402	Nguyễn Phương	Trình	SPH017987	3	28.25		28.25
403	Hoàng Chi	Linh	THV007377	2	26.25	1.5	28.25
404	Đỗ Thị Linh	Trang	SPH017310	2	28.25		28.25
405	Phạm Thị Thu	Trang	TND026670	4	27.50	0.5	28.17
406	Bùi Thị	Giang	DCN002642	4	23.50	3.5	28.17

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Phạm Thị Hồng	Nhung	HDT018961	3	23.50	3.5	28.17
408	Trần Thu	Hà	THV003635	3	27.50	0.5	28.17
409	Nguyễn Hồng	Hạnh	THV003877	3	27.50	0.5	28.17
410	Nguyễn Thị Kim	Anh	DHU000557	1	27.50	0.5	28.17
411	Nguyễn Thị Huyền	Trang	KQH014548	3	26.75	1.0	28.08
412	Đặng Thị	Hường	BKA006562	2	26.75	1.0	28.08
413	Đặng Thị Thủy	Tiên	THP014689	2	26.75	1.0	28.08
414	Nguyễn Phan Mỹ	Anh	HHA000540	4	28.00		28.00
415	Đỗ Duy	Khánh	HHA007171	4	28.00		28.00
416	Lê Thị Thảo	Linh	BKA007469	3	28.00		28.00
417	Trần Thị Hà	Phương	THP011725	2	28.00		28.00
418	Nguyễn Phương	Trang	TLA014066	1	28.00		28.00
419	Nguyễn Viết	Lâm	TQU002909	1	26.00	1.5	28.00
420	Lê Thị Hương	Giang	SPH004513	4	27.25	0.5	27.92
421	Kiều Phương	Linh	DCN006281	4	27.25	0.5	27.92
422	Vũ Gia	Khiêm	DCN005712	3	27.25	0.5	27.92
423	Chu Liên	Thương	TTB006484	3	23.25	3.5	27.92
424	Sầm Thị Diệu	Sương	TDV026589	3	23.25	3.5	27.92
425	Đặng Đình Anh	Đức	YTB005231	2	27.25	0.5	27.92
426	Nguyễn Thị Châu	Anh	HHA000574	1	27.25	0.5	27.92
427	Quyển Thị Thúy	Nga	BKA009190	1	27.25	0.5	27.92
428	Hứa Thị	Thùy	THV012959	1	23.25	3.5	27.92
429	Nguyễn Phương	Anh	YTB000714	4	26.50	1.0	27.83
430	Lê Phương	Thảo	YTB019704	4	26.50	1.0	27.83
431	Bế Phương	Linh	TLA007593	3	26.50	1.0	27.83
432	Phan Thị	Phương	BKA010481	3	26.50	1.0	27.83
433	Nguyễn Thị	Thu	HVN010121	2	26.50	1.0	27.83
434	Phạm Thị Phương	Anh	LNH000525	4	25.75	1.5	27.75
435	Phạm Thu	Trang	HHA014774	4	25.75	1.5	27.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Nguyễn Hồng	Nhung	BKA009928	3	27.75		27.75
437	Nguyễn Thị Phương	Linh	HHA008112	3	27.75		27.75
438	Dương Thị Thanh	Mai	THV008356	3	25.75	1.5	27.75
439	Lương Mỹ	Duyên	SPH003487	2	27.75		27.75
440	Dương Đức	Anh	BKA000119	2	27.75		27.75
441	Nguyễn Thị	Hường	TND012187	1	25.75	1.5	27.75
442	Bùi Thu	Hằng	TLA004528	1	27.75		27.75
443	Trịnh Thị Phương	Anh	HDT020299	4	27.00	0.5	27.67
444	Vì Thị Kim	Ngân	THV009296	4	27.00	0.5	27.67
445	Đỗ Thị Ngọc	Linh	BKA007354	3	27.00	0.5	27.67
446	Đào Thị Ngọc	Ngà	HHA009794	2	27.00	0.5	27.67
447	Đinh Hoàng Thùy	Linh	TQU003083	1	23.00	3.5	27.67
448	Lại Thị Nhật	Anh	TND000506	2	26.25	1.0	27.58
449	Nguyễn Thị Trà	My	HVN006951	2	26.25	1.0	27.58
450	Lê Thị Thu	Hoài	TDV011294	4	25.50	1.5	27.50
451	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	SPH009919	3	27.50		27.50
452	Doãn Thúy	Hằng	TLA004532	2	27.50		27.50
453	Đồng Thị Lan	Anh	THP000240	2	25.50	1.5	27.50
454	Chu Quỳnh	Chi	BKA001514	2	27.50		27.50
455	Nguyễn Thị Hoài	Trâm	TDV033267	2	25.50	1.5	27.50
456	Hoàng Thị	Hằng	TND007292	4	22.75	3.5	27.42
457	Nguyễn Thị Anh	Ngọc	HDT018034	4	26.75	0.5	27.42
458	Trần Thị Thuỳ	Anh	YTB001313	3	26.75	0.5	27.42
459	Tạ Thị	Nga	HDT017518	3	26.75	0.5	27.42
460	Mạc Kim	Chi	TND002257	1	22.75	3.5	27.42
461	Nguyễn Thị	Linh	TDV016826	4	26.00	1.0	27.33
462	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	4	26.00	1.0	27.33
463	Lê Thị	Hoan	TLA005465	3	26.00	1.0	27.33
464	Lê Thị	Nhâm	TLA010380	3	26.00	1.0	27.33

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Nguyễn Thị Bích		HDT002091	3	26.00	1.0	27.33
466	Phạm Thị Hường		YTB011083	2	26.00	1.0	27.33
467	Thịnh Thái Thảo		SPH015812	4	27.25		27.25
468	Lê Đức Mạnh		BKA008509	3	27.25		27.25
469	Nguyễn Thị Minh Huyền		SPH007875	3	27.25		27.25
470	Phạm Hồng Loan		TLA008406	3	25.25	1.5	27.25
471	Nguyễn Thu Huyền		HHA006421	2	27.25		27.25
472	Lương Mỹ Linh		SPH009648	2	27.25		27.25
473	Nguyễn Thu Trang		SPH017686	2	27.25		27.25
474	Trần Khánh Linh		TLA008251	4	26.50	0.5	27.17
475	Phan Lê Bình		TND001919	4	26.50	0.5	27.17
476	Nguyễn Thị Minh Nhật		TND018640	4	26.50	0.5	27.17
477	Hoàng Ngọc Chi		TND002224	4	22.50	3.5	27.17
478	Nguyễn Thị Linh		LNH005370	4	26.50	0.5	27.17
479	Nguyễn Thanh Mai		LNH005973	4	26.50	0.5	27.17
480	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		SPH017616	4	26.50	0.5	27.17
481	Phạm Thị Thanh Nguyệt		SPH012840	3	26.50	0.5	27.17
482	Dương Thị Mỹ Linh		HDT013796	3	26.50	0.5	27.17
483	Hà Thị Minh Phương		YTB017212	3	26.50	0.5	27.17
484	Nông Hoàng Như		TND019104	2	22.50	3.5	27.17
485	Bùi Thị Ngọc Trâm		HDT027311	4	25.75	1.0	27.08
486	Nguyễn Thị Tuyền		SPH018992	3	25.75	1.0	27.08
487	Phan Thị Thu Hảo		TLA004517	3	25.75	1.0	27.08
488	Nguyễn Thị Vân Huyền		KQH006295	2	25.75	1.0	27.08
489	Phạm Huyền Cơ		TLA002178	3	27.00		27.00
490	Hồ Minh Anh		SPH000347	3	27.00		27.00
491	Trần Hương Giang		DCN002754	4	26.25	0.5	26.92
492	Nguyễn Vũ Thảo Linh		YTB012920	3	26.25	0.5	26.92
493	Giáp Thị Hồng Thanh		TND022416	3	26.25	0.5	26.92

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Vũ Đình	Hưng	THP006891	4	25.50	1.0	26.83
495	Vũ Hoàng	Long	THP008850	3	25.50	1.0	26.83
496	Trần Văn	Phúc	HDT019575	2	25.50	1.0	26.83
497	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	4	24.75	1.5	26.75
498	Hồ Nam	Sơn	THV011404	3	24.75	1.5	26.75
499	Nguyễn Tiến	Đạt	BKA002867	4	26.00	0.5	26.67
500	Đỗ Thị Thanh	Huyền	SPH007696	3	26.00	0.5	26.67
501	Mai Thục	Anh	HDT000865	2	26.00	0.5	26.67
502	Trần Thị	Diệu	KHA001593	4	25.25	1.0	26.58
503	Vũ Thị	Ngọc	THP010524	4	25.25	1.0	26.58
504	Nguyễn Thị	Mỹ	HVN006967	4	25.25	1.0	26.58
505	Phạm Thị	ánh	YTB001658	4	25.25	1.0	26.58
506	Vũ Thị Thuỳ	Dương	YTB004488	3	25.25	1.0	26.58
507	Phạm Thị	Hương	YTB010837	2	25.25	1.0	26.58
508	Nguyễn Tùng	Anh	SPH001209	3	26.50		26.50
509	Nguyễn Thùy	Linh	LNH005432	3	24.50	1.5	26.50
510	Lê Trần Thu	Uyên	SPH019144	2	26.50		26.50
511	Nguyễn Thùy	Dung	TND003779	1	24.50	1.5	26.50
512	Vũ Thị	Hiền	DCN003795	1	24.50	1.5	26.50
513	Phạm Thị Như	Quỳnh	BKA011118	4	25.75	0.5	26.42
514	Dương Hoàn	Yến	YTB025657	2	25.75	0.5	26.42
515	Nguyễn Thị Hoài	Thương	TDV031055	2	25.75	0.5	26.42
516	Nguyễn Phương	Anh	KHA000395	2	25.75	0.5	26.42
517	Hà Huy	Quyền	THP012209	4	25.00	1.0	26.33
518	Mai Thị Thúy	Hà	BKA003663	2	25.00	1.0	26.33
519	Lại Thu	Trang	TLA014006	4	24.25	1.5	26.25
520	Lê Thị Bích	Diệp	HDT003606	4	24.25	1.5	26.25
521	Nguyễn Thị Minh	Anh	HDT001116	4	25.50	0.5	26.17
522	Lê Thị Mỹ	Hạnh	THP004261	4	25.50	0.5	26.17

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	TDV016929	4	25.50	0.5	26.17
524	Phạm Thị Hồng	Duyên	SPH003518	3	25.50	0.5	26.17
525	Nguyễn Hà	Phương	TDV023906	4	24.75	1.0	26.08
526	Nguyễn Thị Vân	Anh	BKA000642	2	24.75	1.0	26.08
527	Nguyễn Minh	Nguyệt	LNH006806	3	21.25	3.5	25.92
528	Bùi Thu	Trang	LNH009653	2	21.25	3.5	25.92
529	Nguyễn Thị	Hà	THP003838	2	25.25	0.5	25.92
530	Trần Thị Thiên	Nga	KHA007005	3	24.50	1.0	25.83
531	Hoàng Quốc	Việt	KQH016170	3	24.50	1.0	25.83
532	Trần Thị Hà	Phương	SPH013865	4	25.75		25.75
533	Vũ Minh	Nguyệt	BKA009733	3	25.75		25.75
534	Linh Thị Mai	Anh	TND000507	4	21.00	3.5	25.67
535	Nguyễn Thùy	Tiên	TND025492	4	25.00	0.5	25.67
536	Vũ Thị	Thảo	BKA012056	3	25.00	0.5	25.67
537	Lò Văn	Thủy	TTB006374	3	21.00	3.5	25.67
538	Trần Thị Minh	Tuyến	SPH019031	2	25.50		25.50
539	Hoàng	Hiệp	LNH003234	1	23.50	1.5	25.50
540	Hoàng Ngọc	Chi	TND002326	3	24.75	0.5	25.42
541	Nguyễn Thị	Thìn	THP013840	3	24.75	0.5	25.42
542	Đoàn Mỹ	Hạnh	HHA004179	2	24.75	0.5	25.42
543	Ngô Thị Kim	Chi	TLA001872	2	24.75	0.5	25.42
544	Chu Nhật	Lệ	TND013651	1	23.25	1.5	25.25
545	Đoàn Thị Huệ	Anh	SPH000331	4	24.50	0.5	25.17
546	Nguyễn Thị Thu	Hiền	THP004853	4	24.50	0.5	25.17
547	Nguyễn Huyền	Trang	HDT026719	4	24.50	0.5	25.17
548	Lương Thị Linh	Chi	HDT002535	3	20.50	3.5	25.17
549	Vũ Thị	Hương	THP007210	2	24.50	0.5	25.17
550	Hoàng Hồng	Sinh	SPH014677	4	23.75	1.0	25.08
551	Nông Thị	Xâm	TND029728	4	20.25	3.5	24.92

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Nông Thị	Vin	TND029364	4	20.25	3.5	24.92
553	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	4	20.25	3.5	24.92
554	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	SPH012589	3	24.25	0.5	24.92
555	Đỗ Thị	Thiện	HDT023973	4	23.50	1.0	24.83
556	Nguyễn Thị Hải	Yến	YTB025772	4	23.50	1.0	24.83
557	Lê Thu	Hà	HDT006724	3	23.50	1.0	24.83
558	Nguyễn Ngọc	Huyền	KHA004543	1	24.75		24.75
559	Nguyễn Thị Hoài	Thu	TDV029849	4	24.00	0.5	24.67
560	Đỗ Thị	Quỳnh	BKA011028	2	23.25	1.0	24.58
561	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	4	22.50	1.5	24.50
562	Nguyễn Thị Phương	Hoa	TND008807	3	22.50	1.5	24.50
563	Hoàng Linh	Đan	HHA002851	4	23.75	0.5	24.42
564	Lầu Thị	Báu	TTB000350	1	19.75	3.5	24.42
565	Nguyễn Thị	Hội	LNH003779	4	22.25	1.5	24.25
566	Đặng Thị Hồng	Nhung	TND018808	2	22.25	1.5	24.25
567	Nguyễn Thị Anh	Thư	LNH009324	1	22.25	1.5	24.25
568	Trần Minh	Hằng	KHA003290	1	23.50	0.5	24.17
569	Phạm Thị Tuyết	Hoa	THV004777	1	22.00	1.5	24.00
570	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	4	23.25	0.5	23.92
571	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	4	19.25	3.5	23.92
572	Nguyễn Minh	Đức	THV003055	1	23.25	0.5	23.92
573	Lường Thị	Lan	TTB003316	1	19.25	3.5	23.92
574	Nguyễn Thị	Loan	YTB013301	4	22.50	1.0	23.83
575	Trần Thị Thu	Hằng	YTB007166	2	22.50	1.0	23.83
576	Trần Thị	Khá	YTB011172	1	22.50	1.0	23.83
577	Nguyễn Thị	Thuỷ	TND024611	4	21.75	1.5	23.75
578	Đỗ Thị Minh	Thu	TLA013130	3	23.75		23.75
579	Nguyễn Thị	Huyền	TTB002829	2	21.75	1.5	23.75
580	Vũ Tiến	Hung	THV006098	1	21.75	1.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Đào Huyền	My	TND016779	4	23.00	0.5	23.67
582	Hà Thúy	Hằng	SPH005548	4	23.00	0.5	23.67
583	Trịnh Thị	Chinh	KHA001266	4	22.25	1.0	23.58
584	Phạm Thị Thanh	Dung	DCN001758	3	22.25	1.0	23.58
585	Đào Anh	Quỳnh	THV011035	4	21.50	1.5	23.50
586	Bùi Thu	Thủy	HVN010237	2	23.50		23.50
587	Nguyễn Hồng	Điệp	TND005166	4	18.75	3.5	23.42
588	Bùi Yến	Chi	THP001482	4	22.00	1.0	23.33
589	Ngô Thị Hồng	Nhung	TDV022385	4	21.75	1.0	23.08
590	Trần Thị Bích	Hạnh	YTB006734	1	21.75	1.0	23.08
591	Vũ Thị Thu	Trang	NLS013364	4	21.00	1.5	23.00
592	Phạm Hương	Thảo	TLA012638	3	23.00		23.00
593	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	4	18.25	3.5	22.92
594	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	3	22.25	0.5	22.92
595	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	4	21.50	1.0	22.83
596	Nguyễn Bình	Dương	TTB001355	3	20.75	1.5	22.75
597	Trần Thị	Giang	TDV007480	4	22.00	0.5	22.67
598	Chẳng Kiều	Hoài	TQU001983	4	18.00	3.5	22.67
599	Phàn Mỷ	Lẫy	DCN005972	2	18.00	3.5	22.67
600	Nguyễn Thị Kim	Thoan	TLA013090	4	21.25	1.0	22.58
601	Chu Thị Thục	Anh	YTB000193	4	21.25	1.0	22.58
602	Trần Thị Trà	Giang	TDV007503	4	21.25	1.0	22.58
603	Phạm Thị Hà	Trang	YTB022998	4	21.25	1.0	22.58
604	Lương Thị	Linh	YTB012604	3	21.25	1.0	22.58
605	Ngô Thị Ngọc	ánh	HVN000797	2	21.25	1.0	22.58
606	Trương Thị Hồng	Mai	YTB014137	1	21.25	1.0	22.58
607	Phạm Văn	Tú	THP015915	1	21.25	1.0	22.58
608	Đỗ Thu	Hoài	THV004886	3	17.75	3.5	22.42
609	Nguyễn Thị	Thu	YTB020925	4	21.00	1.0	22.33

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Đoàn Diễm	My	TLA009384	1	22.25		22.25
611	Phan Thị Hà	My	DHU013378	4	20.75	1.0	22.08
612	Đỗ Thu	Thủy	KHA009775	4	22.00		22.00
613	Nông Thị	Bốn	TND001954	3	17.25	3.5	21.92
614	Vũ Nguyễn Nhật	Minh	HVN006894	1	21.25	0.5	21.92
615	Nguyễn Hồng	Anh	THP000433	4	20.50	1.0	21.83
616	Vương Thị Khánh	Huyền	THP006756	4	20.50	1.0	21.83
617	Vương Thị Thu	Phượng	THV010598	2	19.75	1.5	21.75
618	Nông Thị Minh	Thu	TND024423	1	17.00	3.5	21.67
619	Trần Thị	Hà	HDT006976	4	20.25	1.0	21.58
620	Tự Thị Mỹ	Linh	THP008529	1	20.25	1.0	21.58
621	Đào Thị	Thu	HVN010083	4	20.00	1.0	21.33
622	Nhâm Thị	Ngân	YTB015402	2	19.75	1.0	21.08
623	Trần Đức Trọng	Đạt	HVN002179	3	20.25	0.5	20.92
624	Nguyễn Hồng	Hạnh	TTB001934	4	18.75	1.5	20.75
625	Trần Thị	Phượng	HHA011396	4	16.00	3.5	20.67
626	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	YTB016405	2	19.00	1.0	20.33
627	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	4	15.50	3.5	20.17
628	Lê Thị	Trang	TLA013996	4	18.75	1.0	20.08
629	Nguyễn Ngọc	ánh	DCN000815	4	15.25	3.5	19.92
630	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	4	17.75	1.5	19.75
631	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	HVN008861	4	19.00	0.5	19.67
632	Vũ Thị	ánh	TND001455	1	17.00	1.5	19.00
633	Trần Thị	Hường	THP006773	2	17.50	1.0	18.83
634	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	4	16.50	1.0	17.83
635	Đỗ Anh	Đức	BJA003138	4	16.50	1.0	17.83
636	Dương Thị Tuyết	Chinh	LNH001066	4	15.50	1.5	17.50
637	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	DCN012825	4	15.00	1.5	17.00
638	Phạm Thị Hoài	Thu	HDT024494	4	14.50	1.5	16.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

Trang 23

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Hoàng Thị Hải YẾN	SPH019797	4	12.25	0.5	12.92

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU